

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08a/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị A; nơi cư trú: Thôn 6, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lee, Wen B; hiện cư trú tại: Số 1/124 Aimen, Cụm 014, thôn Aimen, xã Hu-shi, huyện Penghu, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Đinh Thị A trình bày:

Năm 2005, chị Đinh Thị A kết hôn với anh Lee, Wen B có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 17/6/2005. Sau khi kết hôn, chị A và anh

Lee, Wen B làm thủ tục để chị A sang Đài Loan để đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ngôn ngữ, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do vậy, anh chị chỉ chung sống với nhau được 02 năm đến cuối năm 2007, chị A bỏ ra ngoài ở riêng. Đến năm 2010, chị A trở về Việt Nam, không có ý định quay lại Đài Loan để đoàn tụ với anh Lee, Wen B. Anh chị ly thân từ năm 2007 đến nay và không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lee, Wen B.

Về con chung: Chị Đinh Thị A và anh Lee, Wen B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đinh Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Lee, Wen B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Lee, Wen B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được kết quả tổng đạt của Bộ Tư pháp, theo đó thì Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho anh Lee, Wen B vào ngày 18 tháng 10 năm 2022. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu nào của anh Lee, Wen-An.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đinh Thị A và anh Lee, Wen B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 17/6/2005 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy anh chị đã ly thân một thời gian dài, chị A đã không còn tình cảm vợ chồng với anh Lee, Wen B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A được ly hôn anh Lee, Wen B. Về con chung: Chị Đinh Thị A xác nhận chị và anh Lee, Wen B không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị A không yêu cầu

nên không phải giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Lee, Wen B hiện đang sinh sống tại Đài Loan, nguyên đơn chị Đinh Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lee, Wen B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Đinh Thị A và anh Lee, Wen B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A kết hôn với anh Lee, Wen B và có đăng ký kết hôn tại tại đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 17/6/2005. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A trình bày sau khi kết hôn, chị và anh Lee, Wen B cùng chung sống tại Đài Loan. Sau đó anh chị nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ngôn ngữ, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị chỉ chung sống được khoảng 02 năm và sống ly thân với nhau từ năm 2007 đến nay. Xét thấy, anh chị đã ly thân một thời gian dài, đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị A xác định không còn tình cảm với anh Lee, Wen B nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu xin ly hôn của chị A đối với anh Lee, Wen B.

[4] Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh Lee, Wen B không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp: Chị Đinh Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị A và anh Lee, Wen B được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A được ly hôn anh Lee, Wen B.
2. Về con chung: Chị Đinh Thị A xác nhận chị và anh Lee, Wen B không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp:

Chị Đinh Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000412 ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000413 ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lee, Wen B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải - Phạm Mạnh Hùng

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp